

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày: 23/10/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Huyền

Ông Đinh Đăng Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST - HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 08/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 24/11/1986 tại B, Bắc Kạn

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang K và bà Hà Thị T; vợ Nguyễn Thị L; có 01 con; tiền sự: 01. Quyết định số 4a/QĐ-XPVPHC ngày 05/3/2019 của Công an phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

****Bị hại:***

Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 13/4/2019, Nguyễn Văn C một mình đi bộ từ khu chợ L thuộc xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để về nhà. Khi đến đoạn đường trước cửa nhà bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978, trú tại thôn B, xã L là hàng xóm của Nguyễn Văn C (cách nhà C khoảng 20 mét), C nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. C quan sát xung quanh không thấy có ai, thấy phía trước hiên nhà bà S có một cây hoa sữa to, thân cây cao vươn sát mái hiên nhà có thể trèo lên được nên C đã để đôi dép đang đi cất giấu dưới gầm bàn bán hàng kê ngoài hiên sát cửa gian bán hàng của nhà bà S rồi đi chân đất trèo lên theo thân cây hoa sữa để lên mái tôn tầng một, sau đó men theo mái tôn lên tầng hai rồi C tiếp tục trèo theo cột bê tông từ tầng hai lên tầng ba, khi lên đến tầng ba C thấy cửa vào nhà trên tầng ba chỉ khép, không khóa C đẩy cửa đi vào, rồi đi theo cầu thang bộ từ tầng ba xuống tầng một, khi xuống đến tầng một thấy có đèn điện sáng, quan sát xung quanh phòng khách và khu vực bên trong nhà không thấy ai nên C đi đến phòng gần chân cầu thang là phòng ngủ của vợ chồng bà S, phòng ngủ sát với phòng khách, C dùng tay phải vặn nắm khóa cửa thấy mở được cửa, C đi vào phòng bật đèn điện lên, quan sát xung quanh phòng ngủ và cúi xuống nhìn vào phía bên trong gầm giường C phát hiện có một chiếc hòm bằng tôn hình chữ nhật màu bạc xám được khóa bằng 01 ổ khóa nhỏ màu vàng. Nghi bên trong hòm có tiền, C dùng tay kéo chiếc hòm ra khỏi gầm giường rồi bê ra ngoài chân cầu thang tầng 1, tại đây C dùng tay trái ấn giữ chiếc hòm tôn, tay phải cạy nắp hòm, làm một góc nắp hòm tôn bị bẻ vênh lên tạo thành một khe hở, C dùng ngón tay trỏ và ngón giữa tay trái luồn qua khe hở vào bên trong hòm rồi dùng hai ngón tay kẹp để rút lấy tiền từ trong hòm ra ngoài, mỗi lần kẹp rút lấy ra được khoảng ba đến bốn tờ tiền polime, C thực hiện nhiều lần, sau khi rút được nhiều tờ tiền có mệnh giá 100.000đ và 500.000đ, C đặt ở dưới nền nhà cạnh chân cầu thang, sau đó C bê chiếc hòm tôn để vào vị trí ban đầu và tắt bóng đèn điện trong phòng rồi đóng cửa buồng lại như lúc ban đầu, sau đó quay lại chân cầu thang cầm số tiền lên xòe ra xem và đếm được khoảng 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) rồi đút toàn bộ số tiền vào túi quần, sau đó đi lên theo cầu thang lên tầng ba và đi ra khỏi nhà theo lối đã trèo vào trước đó. Khi ra khỏi nhà C đi bộ theo đường liên xã hướng L - H (cách nhà C khoảng 01 km), C thấy có một bụi tre ở cạnh đường nên đã mang số tiền vừa trộm cắp được cất giấu tại bụi tre rồi quay về nhà ngủ. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 15/4/2019 C một mình đi ra bụi tre lấy một phần số tiền đã cất giấu từ tối hôm trước khoảng 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) rồi đi đến thành phố B để chi tiêu cá nhân. Cụ thể C mua ma túy ba lần với tổng số tiền là 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) với một người đàn ông không quen biết tại quán nước vỉa hè bên đường đối diện cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C quay lại vị trí bụi tre để lấy phần tiền còn lại khoảng 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*)

cất vào túi quần rồi đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông đi đường, không quen biết đi theo hướng xã H - thành phố B, khi ra đến ngã ba H thuộc thôn K, xã H, C xuống xe và kiểm tra số tiền vừa quay lại lấy thì phát hiện số tiền đã bị rơi mất, chỉ còn lại một phần số tiền C đã lấy đi vào buổi trưa cùng ngày, C tiếp tục đi bộ đến thành phố B để chi tiêu số tiền trên. Ngày 16/4/2019 C tiếp tục mua ma túy 03 lần với người đàn ông lạ mặt trên với tổng số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*), tính cả tiền mua ma túy và tiền đi lại ăn uống C đã tiêu hết số tiền khoảng 2.463.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Số tiền 237.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) C chưa chi tiêu hết.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-BT ngày 11/ 9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS;

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a)...

...”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau, cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền đã trộm cắp là 8.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho bị hại được 1.000.000 đồng còn lại 7.000.000 đồng (Bao gồm cả số tiền 237.000 đồng do bị cáo chưa chi tiêu hết). Do đó ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật, tài sản của bị cáo:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím cứng màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cứng, màu đen trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng;

+ 01 quần bò ngố màu xanh

+ 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng; 01 áo phông cộc tay màu đỏ, trắng đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê màu xanh đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị hại:

+ Số tiền 237.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) là số tiền do phạm tội mà có C chưa sử dụng hết;

+ 01 hộp bằng tôn, hình chữ nhật, màu xám bạc có kích thước dài 23cm, rộng 15cm, cao 11,5cm. Hòm bằng tôn có cài 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu VIETIEP là chiếc hòm đựng tiền bị C cậy phá và lấy số tiền của bà S vào tối 13/4/2019.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí do đó miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Về xử lý vật chứng bị cáo thi hành theo quy định.

Bị hại là chị Nguyễn Thị S đã thỏa thuận với bị cáo về việc bồi thường, cụ thể: Yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã lấy trộm là 8.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng (Bao gồm cả số tiền số tiền 237.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) mà C chưa sử dụng hết) và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Vào hồi 20 giờ 00 phút ngày 13/4/2019 tại nhà bà Nguyễn Thị S, thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Nguyễn Văn C đã lợi

dụng sự vắng nhà của gia đình bà Nguyễn Thị S nên lén lút trèo vào trong nhà lấy trộm số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) trong một chiếc hòm tôn ở buồng ngủ của bà S, số tiền trộm cắp được bị cáo C đã chi tiêu cá nhân chỉ còn lại 237.000đ (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân xấu: Ngày 05/3/2019 bị Công an phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn về hành vi phạm tội của bản thân nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị hại còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Trong vụ án này người đàn ông ở khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn đã bán ma túy cho C vào ngày 15, 16/4/2019 theo C khai không biết tên, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở xác minh.

Đối với hành vi mua ma túy về sử dụng cho bản thân vào ngày 15,16/4/2019 của Nguyễn Văn C. Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không có căn cứ để xác định. Do đó không xem xét xử lý hành vi nêu trên đối với C.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS. Trước khi xét xử bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận việc bồi thường và đề nghị ghi nhận. Do đó HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc bồi thường, cụ thể: bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng còn số tiền 7.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 237.000đ (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*)).

mà bị cáo chưa tiêu hết. Bị cáo còn phải trả cho bị hại số tiền 6.763.000đ (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về hướng dẫn tính lãi xuất.

[6]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật, tài sản của bị cáo do đã cũ, hỏng không còn sử dụng được và bị cáo không đề nghị được lấy lại:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím cứng màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cứng, màu đen trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng;

+ 01 quần bò ngố màu xanh

+ 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng; 01 áo phông cộc tay màu đỏ, trắng đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê màu xanh đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị hại các tài sản, đồ vật sau:

+ Số tiền 237.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) là số tiền do phạm tội mà có Cương chưa sử dụng hết;

+ 01 hộp bằng tôn, hình chữ nhật, màu xám bạc có kích thước dài 23cm, rộng 15cm, cao 11,5cm. Hòm bằng tôn có cài 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu VIETIEP.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo lao động tự do, không có công việc, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành án do đó không áp dụng đối với bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo C thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS. Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại, cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng còn số tiền 7.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 237.000đ *(Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng)* mà bị cáo chưa tiêu hết. Bị cáo còn phải trả cho bị hại số tiền 6.763.000đ (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về hướng dẫn tính lãi xuất.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật, tài sản của bị cáo:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím cứng màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cứng, màu đen trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng;

+ 01 quần bò ngố màu xanh

+ 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng; 01 áo phông cộc tay màu đỏ, trắng đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê màu xanh đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978, trú tại thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn các đồ vật sau:

+ Số tiền 237.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) là số tiền do phạm tội mà có C chưa sử dụng hết;

+ 01 hộp bằng tôn, hình chữ nhật, màu xám bạc có kích thước dài 23cm, rộng 15cm, cao 11,5cm. Hòm bằng tôn có cài 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu VIETIEP.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND T. Bắc Kạn (01b)
- VKSND H. B (01b);
- Công an H. B (02b);
- Chi cục THADS H. B (01b);
- Sở Tư pháp (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lý Thị Thúy